

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 648/2024/DS-PT
Ngày: 27/12/2024.
V/v tranh chấp: “Hợp đồng
vay và mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thanh Nhân.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Mai Thị Đào Quyên -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 23 và 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 609/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng mua bán tài sản”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 441/2024/DSST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 704/2024/QĐ-PT ngày 02/12/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Số H, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn K (tên thường gọi: Tư Khế), sinh năm 1974;

Nguyễn Thị L (tên thường gọi: Bé C), sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*. Người kháng cáo của: Nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T;

*. Kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân huyện C;

Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt bà T, ông K, bà L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ T có người đại diện theo ủy quyền ông Đoàn Hữu V trình bày:

Do có quen biết nên giữa bà T với bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K có

mối quan hệ mua bán thức ăn chăn nuôi và vay tiền. Cụ thể:

Bà T bán thức ăn chăn nuôi cho ông K, bà L trong nhiều năm với hình thức mua bán gỏi đầu, bà T giao thức ăn trước, ông K, bà L sẽ thanh toán sau cuối mỗi đợt chăn nuôi. Tuy nhiên, đến năm 2022, ông K, bà L không thanh toán khi bà T yêu cầu nên hai bên đã thống nhất làm giấy chốt nợ vào ngày 25/3/2022 với số tiền 239.885.000 đồng (Hai trăm ba mươi chín triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng), ông K, bà L ký tên vào. Bà T nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay ông bà vẫn chưa thanh toán.

Ngoài ra, cũng trong năm 2022, do ông K, bà L cần tiền để đáo hạn ngân hàng nên vào ngày 08/7/2022, ông bà đã vay của bà T số tiền 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng) và hẹn sẽ trả lại trong ngày 09/7/2022. Ông K, bà L có làm giấy biên nhận cho bà T ghi ngày 10/6/2022 âm lịch. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền xong đến nay ông K, bà L vẫn chưa trả cho bà T.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông K, bà L phải trả cho bà T số tiền mua bán thức ăn còn nợ 239.885.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 25/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà T còn yêu cầu ông K, bà L phải trả số tiền vay còn nợ 260.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này với mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 09/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Thực hiện cả hai nội dung ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà T không còn yêu cầu nào khác.

Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K cùng trình bày:

Ông bà thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi và vay tiền từ bà T. Tuy nhiên, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, ông bà chỉ đồng ý một phần. Cụ thể như sau:

Đối với số nợ mua bán, ông bà thống nhất có chốt nợ với số tiền 239.885.000 đồng vào ngày 25/3/2022 nhưng sau đó ông bà có trả được cho bà T 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngoài ra, do ông bà mua thức ăn bằng hình thức gỏi đầu nên giá thức ăn bà T bán đã bao gồm cả tiền lãi với giá thêm mỗi bao thức ăn là 15.000 đồng. Do đó, ông bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 239.885.000 đồng – 3.000.000 đồng = 236.885.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng), không đồng ý trả lãi, đồng thời xin trả dần số nợ bằng cách trả dần hàng tháng.

Đối với số nợ vay, ông bà thống nhất có vay của bà T số tiền 260.000.000 đồng nhưng không phải vay trong 01 lần mà trong 03 lần. Vào tháng 02 năm 2019, ông bà vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), với mức lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, ông bà trả lãi đầy đủ mỗi tháng với số tiền 6.000.000 đồng, tổng số tiền lãi ông bà đã đóng trong khoản thời gian từ tháng 3 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020 là 12 tháng, tương đương số tiền 72.000.000 đồng (Bảy mươi hai triệu đồng). Đến tháng 3 năm 2020, ông bà tiếp tục vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng (Sáu

mười triệu đồng), vẫn thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Gộp chung với số nợ cũ thành 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng). Ông bà tiếp tục thực hiện việc trả lãi hàng tháng đầy đủ mỗi tháng 7.800.000 đồng, từ tháng 3 năm 2020 đến tháng 6 năm 2022 là 27 tháng, tương đương số tiền 210.600.000 đồng (Hai trăm mười triệu, sáu trăm nghìn đồng). Do đó, ông bà yêu cầu xác định lại mức lãi suất 1,66%/tháng và căn trừ số tiền lãi ông bà đã trả dư vượt mức vào số nợ gốc. Theo đó, tổng số tiền lãi ông bà đã trả cho 02 đợt vay tiền theo mức lãi suất 3%/tháng là 282.600.000 đồng, nhưng nếu tính lại theo mức lãi suất 1,66%/tháng thì tiền lãi ông bà phải trả chỉ cần 156.372.000 đồng, như vậy ông bà đã trả dư 126.228.000 đồng. Do đó, ông bà yêu cầu trừ số tiền lãi ông bà đã trả dư vào số nợ gốc và ông bà chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 133.772.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Ngoài ra, ông K, bà L không còn ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 441/2024/DSST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 278, 357, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T

Buộc ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 496.885.000 đồng (*bốn trăm chín mươi sáu triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không chấp nhận một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T về việc yêu cầu ông K, bà L trả số tiền nợ mua bán 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*) và toàn bộ lãi suất của số tiền mua bán và tiền vay.

Án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.875.400 đồng (*hai mươi ba triệu, tám trăm bảy mươi lăm nghìn, bốn trăm đồng*).

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 11/10/2024, nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Bị đơn phải trả cho bà T số tiền vay, tiền mua bán

hàng hóa tổng cộng 499.885.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày ký biên nhận nợ đến ngày xét xử sơ thẩm, lãi suất 0,833/tháng;

Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/10/2024, sửa án dân sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Bị đơn Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị L đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, giữ nguyên án sơ thẩm;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đưa ra nhiều luận cứ như đã nhận định trong Quyết định kháng nghị kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và đề nghị chấp nhận Quyết định Kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/10/2024; Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại Điều 430, Điều 463 Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo của những người kháng cáo thì những người kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C thì Viện kiểm sát nhân dân huyện C kháng nghị bản án sơ thẩm trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, có mặt các đương sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét Quyết định kháng nghị và yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét hợp đồng mua bán tài sản và quyền, nghĩa vụ khi giao kết hợp đồng mua bán tài sản ngày 25/3/2022 giữa bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K đều thừa nhận:

Từ năm 2019, bà Nguyễn Thị Lệ T có bán thức ăn gia cầm (thức ăn cho gà) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K với hình thức gởi đầu. Tuy nhiên trong khoảng thời gian dài, ông K, bà L không trả tiền cho bà T về việc mua bán thức ăn gia cầm, tính đến ngày 25/3/2022, ông K, bà L nợ số tiền 239.885.000 đồng; Vợ chồng bà L, ông K thống nhất số tiền nợ trên và ký tên vào biên nhận ngày 25/3/2022;

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L, ông K thừa nhận còn nợ bà T số tiền 239.885.000 đồng và có ký tên vào biên nhận ngày 25/3/2022 và có khai nại đã trả cho bà T được 3.000.000 đồng, bà T không thừa nhận; Vợ chồng bà L, ông K cũng không có căn cứ chứng minh có trả số tiền 3.000.000 đồng cho bà T;

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định: Ngày 25/3/2022, vợ chồng bà L, ông K có nợ số tiền mua bán thức ăn gia cầm của bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền 239.885.000 đồng và chưa trả số tiền trên cho bà T;

Do đó, bà T yêu cầu vợ chồng ông K, bà L phải trả số tiền 239.885.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 25/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30 tháng 01 ngày, mức lãi suất 0,833%/tháng, thành tiền 60.013.870 đồng là phù hợp;

Vì thế cần buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua bán thức ăn gia cầm cho bà Nguyễn Thị Lệ T 239.885.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 60.013.870 đồng.

[2.2]. Xét hợp đồng vay tài sản ngày 09/7/2022 giữa bà Nguyễn Thị Lệ T và ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Nguyễn Thị Lệ T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K đều thừa nhận: Trong năm 2022, bà T có cho vợ chồng bà L, ông K vay 03 lần tiền, lần thứ nhất 200.000.000 đồng, lần thứ hai 30.000.000 đồng, lần thứ ba 30.000.000 đồng, tổng cộng là 260.000.000 đồng; Vợ chồng ông K, bà L thừa nhận có vay số tiền trên, có viết biên nhận và ký tên vào biên nhận ngày 09/7/2022 và chưa trả số tiền 260.000.000 đồng cho bà T;

Bà T và ông K, bà L đều thừa nhận: Các bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng; Bà T cho rằng ông K, bà L chưa trả vốn, tiền lãi cho bà; Bà L, ông K cho rằng chưa trả vốn gốc và có trả lãi cho bà T nhưng không có căn cứ chứng minh cho việc trả lãi cho bà T; Bà T yêu cầu vợ chồng bà L, ông K trả vốn gốc 260.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,833%/tháng;

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định: Trong năm 2022, vợ chồng bà L, ông K có vay của bà Nguyễn Thị Lệ T với số tiền 260.000.000 đồng, lãi suất thỏa

thuận 3%/tháng, hai bên có lập biên nhận nhận ngày 09/7/2022, bà L, ông K đều ký tên vào biên nhận; Bà L, ông K chưa trả số tiền vốn gốc, tiền lãi phát sinh cho bà T;

Bà T yêu cầu tính lãi suất 0,833%/tháng tính từ ngày 09/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là có lợi cho bà L, ông K;

Do đó, bà T yêu cầu vợ chồng ông K, bà L phải trả số tiền vay 260.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 09/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 26 tháng 17 ngày, với mức lãi suất 0,833%/tháng, thành tiền 57.538.086 đồng là phù hợp;

Vì thế cần buộc bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay cho bà Nguyễn Thị Lệ T 260.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh 57.538.086 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: “Ngoài số tiền nợ gốc mua bán và vay bà T còn yêu cầu ông K, bà L trả thêm khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm. Ông K, bà L cho rằng hợp đồng vay giữa hai bên có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, nhưng quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông bà liên tục thay đổi lời trình bày về thời điểm vay và số tiền lãi suất đã thanh toán nhưng tổng số tiền nợ gốc đều là 260.000.000 đồng và lãi suất đã trả là 3%/tháng. Ngược lại, theo đơn khởi kiện của bà T và tại ông V khẳng định hợp đồng vay giữa hai bên không có lãi suất. Nội dung vụ việc này đã được Tòa án nhân dân huyện C thụ lý theo vụ án số 144/2023/TLST-DS ngày 07/4/2023, sau đó bà T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên Tòa án đã đình chỉ theo Quyết định số 264/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023 và bà T khởi kiện lại). Mặc dù vậy, tại phiên hòa giải ngày 23/5/2023, ông V trình bày ông K, bà L có trả lãi đầy đủ với mức lãi suất 3%/tháng từ ngày 10/10/219 âm lịch, đến ngày 10/10/2022 âm lịch. Mức lãi suất 3%/tháng các bên trình bày không phù hợp với mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà K, bà L xác định không tranh chấp số tiền lãi đã trả. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù mức lãi suất bà T yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với việc chậm thanh toán. Nhưng do bà T không giao nộp chứng cứ, chứng cứ duy nhất là lời thừa nhận của ông K, bà T. Lời trình bày của ông K, bà T không đủ cơ sở để xác định thời điểm phát sinh, thời điểm có nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch vay và mua bán, thời điểm trả lãi, số tiền lãi đã trả của giao dịch vay.

Do đó, từ những phân tích trên, dựa trên sự tự nguyện thừa nhận của ông K, bà L Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, chỉ buộc ông K, bà L trả cho bà T số tiền nợ mua bán là 236.885.000 đồng và nợ vay là 260.000.000 đồng, tổng cộng là 496.885.000 đồng”;

Nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm chỉ phù hợp về số tiền nợ mua bán thức ăn gia cầm và số tiền vay; Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn chưa cung cấp bản chính biên nhận nợ để xác định thời gian tính lãi suất là không phù hợp, bởi vì như đã nhận định trên bị đơn thừa nhận thời gian ký vào biên nhận nợ tiền mua bán thức ăn và biên nhận vay thì căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì được xem là những chứng cứ không cần chứng minh;

Do đó kháng nghị 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T là có cơ sở;

Vì thế Hội đồng xét xử chấp nhận Quyết định kháng nghị 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C và kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Lệ T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 278, 357, 430, 440, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị 03/QĐ-VKS-DS ngày 11/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C;

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Lệ T;

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 441/2024/DSST, ngày 26/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện C;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ T;

Buộc ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lệ T số tiền 499.885.000 đồng và tiền lãi 117.551.956 đồng, tổng cộng 617.436.956 đồng (sáu trăm mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, chín trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Lệ T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn K chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án phí: Bà Nguyễn Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị L phải chịu 28.697.478 đồng (hai mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi tám đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Lệ T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 27/12/2024, có mặt bà T, ông K, bà L.

***. Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trương Vĩnh Hữu